

Số: 52 /2021 /QĐST- HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 23 tháng 03 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 46/2021/TLST/HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm 1, xã Th, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1992

Địa chỉ : Xóm 6, xã Th, huyện T, Thanh Hóa.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; 82; 83 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 03 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 03 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991

Bị đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1992

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị Thu H.

- *Về con chung:* Vợ chồng anh, chị có 01 con chung, tên cháu là Nguyễn Khánh A, sinh ngày 14/01/2018, hiện nay cháu đang ở cùng chị H. Ly hôn, anh, chị

thỏa thuận giao cháu Khánh A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ tháng 03/2021 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Trường hợp quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- *Về tài sản và phần nợ:* Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Vợ chồng anh, chị thỏa thuận, anh L nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) anh L đã nộp theo biên lai số AA/2019/0013468 ngày 19 tháng 02 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn được trừ 150.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- Các đương sự
- VKS Triệu Sơn
- Chi cục thi hành án Triệu Sơn
- UBND xã Thọ Tân
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Lê Thị Thủy

